

THÀNH NGỮ

Bài tập

1. **Bài tập 1**, trang 145, SGK.
2. **Bài tập 2**, trang 145, SGK.
3. **Bài tập 3**, trang 145, SGK.
4. **Bài tập 4**, trang 145, SGK.
5. Sắp xếp các từ trong mỗi nhóm để tạo thành một thành ngữ.
 - a) *ăn, lớn, to, nói*
 - b) *mặt, bắt, tay, mừng*
 - c) *như, bằng, vai, chân*
 - d) *một, mè, lúa, cá*
 - e) *giêng, ngồi, đáy, éch*
 - g) *voi, đuôi, chuột, đầu*
 - h) *ho, cò, khỉ, gáy*
 - i) *thì, hoạ, nấm, mười*
 - k) *vai, cánh, kề, sát*
 - l) *đáy, mò, kim, bể*
6. Đặt câu với mỗi thành ngữ : *nước đến chân mới nhảy, rán sành ra mỡ, nước đổ đầu vịt, ghi lòng tạc dạ, nở từng khúc ruột*.
- 7.* Điene các thành ngữ Hán Việt sau đây : *thao thao bất tuyệt, ý hợp tâm đầu, văn võ song toàn, thiên la địa vong, thâm căn cố đế vào chõ trống thích hợp* trong câu.

a) *Vợ chồng có..., có yêu thương nhau thì ăn ở mới thuận hoà sung sướng đến mãn chiều xế bóng.*

(Lặng Chương)

b) *Anh ấy đi du lịch ở nước ngoài về, đang ... kể chuyện cho bạn bè nghe.*

c) *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc ...*

(Phạm Văn Đồng)

d) *Hội cũng muốn nói nhiều để trả lời, để cãi lại những lí lẽ kia. Nhưng cái tính rụt rè, hay ngại ngùng đã ... trong người Hội vẫn còn ghìmlại.*

(Nguyễn Đình Thi)

e) *Lên Thăng Long không có lối, ra bể không có đường, bốn bề là Toa Đô mà chạy đâu ?*

(Nguyễn Huy Tưởng)

Gợi ý làm bài

1. Cần giải thích nghĩa bóng của thành ngữ. Đối với các thành ngữ Hán Việt, nên tìm hiểu nghĩa của từng yếu tố để hiểu nghĩa của thành ngữ. *Hào* trong *sơn hào hải vị* có nghĩa là “món ăn ngon lấy từ động vật”; *cố* trong *tứ cố vô thân* có nghĩa là “ngoanh, nhìn”. Có thể tra từ điển để hiểu nghĩa các thành ngữ.

2. Các truyền thuyết và truyện ngụ ngôn này đã được học ở lớp 6. Các em xem lại và kể tóm tắt câu chuyện.

3. Mẫu : *sinh cơ lập nghiệp*.

4. Chú ý tìm thêm những thành ngữ mới lạ đối với em. Có thể tìm thành ngữ qua sách báo, từ điển tiếng Việt.

5. Mẫu : a) *ăn to nói lớn*

6. Cần tìm hiểu, nắm chắc nghĩa của thành ngữ trước lúc đặt câu. Có thể sử dụng từ điển để hiểu nghĩa của các thành ngữ này.

Ví dụ : *Nhân dân Việt Nam mãi mãi ghi lòng tạc đài công ơn trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

7.* Tìm hiểu nghĩa của mỗi thành ngữ trước lúc chọn thành ngữ để điền vào chỗ trống trong các câu đã cho.

- *Thao thao bất tuyệt*: nói lưu loát say sưa và kéo dài mãi không dứt (*thao thao*: chảy cuồn cuộn ; *bất*: không ; *tuyệt*: ngót, dứt).
- *Ý hợp tâm đầu*: hợp ý với nhau, cùng có những tình cảm và suy nghĩ giống nhau (*Ý*: điều suy nghĩ ; *tâm*: lòng ; *đầu*: ăn khớp, hợp nhau).
- *Văn võ song toàn*: có tài cả về văn lẫn võ (*song*: hai ; *toàn*: trọn vẹn).
- *Thiên la địa võng*: bùa vây khắp mọi nơi (*thiên* : trời ; *la* : lưới bắt chim ; *địa* : đất ; *võng* : lưới đánh cá).
- *Thâm căn cố đế*: ăn sâu, bền chắc khó lòng thay đổi, cải tạo (*thâm* : sâu ; *căn* : rễ ; *cố*: bền chắc ; *đế*: cuống của hoa, quả).